TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 25 - 01- 2021
V/v tranh chấp: "Ly hôn và đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: + 1/ Ông Huỳnh Văn Ngoan;

+ 2/ Bà Lưu Thị Thu Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2020/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn và đòi tài sản".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 27/2020/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 676/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1997. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Thị Kim Tr - Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Bùi Công Tr, sinh năm 1994. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: luật sư Nguyễn Xuân Th - Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà Trần Thị P, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 10, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bà Phan Thị Thanh Th, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng*: ông Phan Văn T, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bi đơn – Bùi Công Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Chị và anh Bùi Công Tr tổ chức đám cưới vào tháng 6/2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chị H và anh Tr sống hạnh phúc đến tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau và mâu thuẫn về điều kiện kinh tế. Chị H và anh Tr đã ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Công Tr.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Khi đám cưới anh Bùi Công Tr có cho chị Nguyễn Thị Ngọc H một số vàng cưới gồm: 10 chỉ vàng 24k, một bộ vòng cimen 4,5 chỉ vàng 18k và mẹ ruột của chị H là bà Phan Thị Thanh Th có cho chị H 2 chỉ vàng 24k. Tháng 10/2018 chị H, anh Tr có cho bà Trần Thị P mượn 12 chỉ vàng 24k. Hiện tại, bà Trần Thị P đã trả số vàng này cho anh Bùi Công Tr. Một bộ vòng cimen 4,5 chỉ vàng 18k chị H đã bán vào tháng 7/2019 (sau khi chị H và anh Tr ly thân vào tháng 5/2019).

Tại phiên tòa, chị H yêu cầu chia tài sản chung là 12 chỉ vàng 24k và 4,5 chỉ vàng 18k, chị H và anh Tr mỗi người nhận ½ giá trị tài sản chung. Chị H rút yêu cầu khởi kiện buộc anh Bùi Công Tr hoàn trả 2 chỉ vàng 24k.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Bùi Công Tr trình bày:

Anh Bùi Công Tr thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Thị Ngọc H về thời gian và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh Tr trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Có 12 chỉ vàng 24k gồm: 10 chỉ vàng 24k do gia đình anh Bùi Công Tr cho chị Nguyễn Thị Ngọc H và 2 chỉ vàng 24k do bà Phan Thị Thanh Th (mẹ ruột chị H) cho vào ngày đám cưới, một bộ vòng cimen 4,5 chỉ vàng 18k. Vào tháng 10/2018 anh Tr và chị H cùng thỏa thuận thống nhất cho bà Trần Thị P mượn 12 chỉ vàng 24k. Bà P đã trả cho anh Tr vào tháng 8/2019, anh Tr không có nói cho chị H biết. Anh Tr đã bán số vàng này để trả nợ cá

nhân. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, anh Tr yêu cầu Tòa án xác định 12 chỉ vàng 24k và một bộ vòng cimen 4,5 chỉ vàng 18k là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu được nhận ½ giá trị tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thanh Th trình bày: Vào ngày đám cưới của chị Nguyễn Thị Ngọc H, bà có cho chị H 2 chỉ vàng 24k. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H, bà thống nhất với yêu cầu của chị H và không có tranh chấp gì, tùy Tòa án giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P trình bày: Vào tháng 5/2019 chị H, anh Tr có đưa cho bà mượn 12 chỉ vàng 24k. Đến tháng 8/2019 bà đã trả số vàng này cho anh Tr.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 27/2020/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang:

- Căn cứ Điều 217; Điều 227; Điều 228, Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 43, Điều 51, Điều 56, Điều 59, Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Bùi Công Tr.

- Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Bùi Công Tr.

Chị Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Bùi Công Tr 2,25 chỉ vàng 18k.

Anh Bùi Công Tr có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc H 6 chỉ vàng 24k.

Thời hạn hoàn trả được thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu anh Bùi Công Tr hoàn trả 2 chỉ vàng 24k.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phàn án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 03/7/2020, anh Bùi Công Tr có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm không buộc anh Tr có nghĩa vụ hoàn trả cho chị H 06 chỉ vảng 24kr.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Bùi Công Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo, hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H phát biểu và đề nghị: số vàng 12 chỉ vàng 24k chị H và anh Tr cho bà P mượn, bà P đã trả cho anh Tr trực tiếp nhận sau khi vợ chồng anh Tr và chị H đã ly thân. Các lời khai và biên bản hòa giải anh Tr đều thừa nhận 12 chỉ vàng là tài sản chung của vợ chồng, anh đã tự bán để đưa cho mẹ anh trả nợ cá nhân và đồng ý chia cho chị H ½. Tờ xác nhận của ông Phan Văn T hai lần mâu thuẫn nhau, nhưng chính anh Tr đã thừa nhận là anh bán đưa tiền cho mẹ trả nợ, tại phiên tòa phúc thẩm lúc khai trả nợ cho ông T, nhưng lúc lại khai bán đưa tiền cho cha mẹ trả tiền mua thức ăn cho cá, từ giai đoạn sơ thẩm anh Tr không hề khai gì đến việc bán 12 chỉ vàng để trả cho ông T, do đó xác nhận lần hai của ông T là chính xác. Anh Tr đã tự ý bán 12 chỉ vàng 24k để trả nợ cá nhận, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bị đơn anh Bùi Công Tr phát biểu và đề nghị: Anh Tr thừa nhận anh đã nhận 12 chỉ vàng 24k từ bà P trả, nhưng anh đã bán và trả nợ cho ông T và ông T cũng đã có xác nhận là anh Tr đã trả cho ông T số tiền 40.000.000 đồng vào tháng 12/2019, lời xác nhận của ông T là sự thật, giấy xác nhận lần hai có mâu thuẫn nhau, về nguyên tắc xác nhận ban đầu là chính xác khách quan. Hiện nay anh Tr đã bán 12 chỉ vàng 24k để trả nợ, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Tr, không phải trả lại cho chị H 06 chỉ vàng 24k.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Tại phiên hòa giải giai đoạn sơ thẩm anh Tr đồng ý chia cho chị H ½ tài sản chung là 12 chỉ vàng 24k, hoàn toàn không khai gì việc bán 12 chỉ vàng để trả nợ cho ông T. Tại phiên tòa phúc thẩm lúc khai trả nợ cho ông T, nhưng lúc lại khai bán đưa tiền cho cha mẹ trả tiền mua thức ăn cho cá, còn sơ thẩm thì khai là bán đưa cho mẹ trả nợ cá nhân, hời khai của anh Tr mâu thuẫn nhau. Anh Tr kháng cáo cho rằng đã bán 12 chỉ vàng 24k để trả nợ cho ông T nên không đồng ý chia là không có căn cứ, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Tr, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn với anh Bùi Công Tr. Anh Tr có hộ khẩu và cư trú tại ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên căn cứ vào khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ tranh chấp: chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn với anh Bùi Công Tr. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 33 và Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Đơn kháng cáo của anh Bùi Công Tr đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm không buộc anh Tr có nghĩa vụ hoàn trả cho chị H 06 chỉ vảng 24kr

[5] Xét yêu cầu kháng cáo: Chị H và anh Tr thống nhất, anh chị có tài sản chung gồm có: 12 chỉ vàng 24k, một bộ vòng cimen 4,5 chỉ vàng 18k.

Bộ vòng cimen 4,5 chỉ vàng 18k do chị H giữ và hiện đã bán. Đối với 12 chỉ vàng 24k, chị H và anh Tr trình bày thống nhất cho bà Trần Thị P mượn, bà P đã trả cho anh Tr vào tháng 10/2019, anh Tr là người trực tiếp nhận vàng và đã bán số vàng này.

Anh Tr kháng cáo trình bày anh bán 12 chỉ vàng 24k và trả nợ số tiền nợ 40.000.000 đồng mà vợ chồng đã mượn của ông Phan Văn T, nên hiện nay không còn. Ông Phan Văn T có hai bản xác nhận mâu thuẫn nhau, ngày 28/7/2020 ông T xác nhận tháng 12/2019 anh Tr đến trả cho ông 40.000.000 đồng, bản xác nhận ngày 31/7/2020 thì xác nhận tháng 04/2019 chị H và anh Tr đến trả 40.000.000 đồng. Tuy nhiên căn cứ biên bản hòa giải ngày 17/01/2020 thì anh Tr thừa nhận mình có nhận số vàng 12 chỉ vàng 24k từ bà P trả, anh đã bán số vàng trên để đưa cho cha mẹ trả nợ. Biên bản hòa giải ngày 21/2/2020 thì khai là bán vàng đưa cho mẹ đi trả nợ và đồng ý chia ½ số vàng trên cho chị H. Tại phiên tòa phúc thẩm lúc thì khai là bán vàng để trả nợ cho ông Phan Văn T, lúc thì khai là bán vàng đưa cho cha mẹ để trả nợ tiền mua thức ăn cho cá. Chính lời khai của anh Tr tại phiên tòa mâu thuẫn nhau, nhưng trong suốt quá trình giải quyết cấp sơ thẩm anh Tr hoàn toàn không khai gì đến khoản nợ 40.000.000 đồng của ông T, hay bán 12 chỉ vàng để trả cho ông T. Nếu thực sự thời điểm khi chị H khởi kiện ly hôn, anh Tr đã bán số vàng là tài sản chung của vợ ông trả nợ chung của vợ chồng thì anh Tr phải trình bày. Do đó xác nhận của ông T là anh Tr và chị H đã trả cho ông 40.000.000 đồng vào tháng 04/2019 là có căn cứ.

Anh Tr thừa nhận mình nhận 12 chỉ vàng 24k từ bà P trả trong lúc vợ chồng đang sống ly thân nhau và đã tự bán mà không có ý kiến của chị H. 12 chỉ vàng 24k là tài sản chung của vợ chồng, khi định đoạt và sử dụng tài sản chung phải có sự đồng ý của hai vợ chồng, anh Tr tự định đoạt sử dụng một mình hết 12 chỉ vàng 24k, nên anh Tr phải có nghĩa vụ trả lại cho chị H 06 chỉ vàng 24k.

Án sơ thẩm buộc anh Tr trả lại cho chị H 06 chỉ vàng 24k là có căn cứ đùn quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Tr kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng của anh Tr.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực kể từ khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

[7] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[10] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh Tr phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 217; Điều 227; Điều 228, Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 43, Điều 51, Điều 56, Điều 59, Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Bùi Công Tr.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 27/2020/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Bùi Công Tr.

- Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Bùi Công Tr.

Chị Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Bùi Công Tr 2,25 chỉ vàng 18k.

Anh Bùi Công Tr có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc H 6 chỉ vàng 24k.

Thời hạn hoàn trả được thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu anh Bùi Công Tr hoàn trả 2 chỉ vàng 24k.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và 1.811.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 900.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 17455 ngày 27/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị H còn phải nộp 1.211.000 đồng.

- Anh Bùi Công Tr phải chịu 1.811.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 372.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005085 ngày 21/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, anh Tr còn phải nộp 1.439.000 đồng.

Anh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005635 ngày 13/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

3/-Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C,
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Tuyền